

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 345 /2025/DS-PT

Ngày: 11/9/2025

V/v: Tranh chấp hợp

đồng bảo hiểm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 201/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1) -Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 327/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956. Địa chỉ: KDC I, ấp G, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Minh Hoan H, sinh năm 1974. Địa chỉ: số nhà A, ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2021) (có mặt).

- Bị đơn: Công ty B1; địa chỉ: Tòa nhà S - Số F, đường L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Wayne David B - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Trần K; chức vụ: Cố vấn pháp lý cấp cao và ông Huỳnh Công D; chức vụ: Cố vấn pháp lý. (ông K vắng mặt, ông D có mặt).

Cùng địa chỉ: Tầng A - A - Tòa nhà S - Số F, đường L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH B1 – Chi nhánh V1. *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:* Công ty TNHH B1. Địa chỉ: số A, N, khóm C, phường H, tỉnh Đồng Tháp. *Người đại diện theo pháp luật:*

ông Đỗ Quang H1 – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc (có đơn vắng mặt).

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn

Kháng nghị: Viện trưởng VKSND thành phố Vĩnh Long (nay là VKSND khu vực 1 - Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2022 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và quá trình tham gia tố tụng, ông Trần Minh Hoan H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/3/2019 ông Trương Công S có ký hợp đồng bảo hiểm số U912165211 với Công ty B1, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 10/3/2019. Đến ngày 18/9/2020 ông S chết do đột quỵ, khi chết thì ông S không có vợ con, cha của ông S chết lúc ông S còn nhỏ, mẹ của ông S là bà Nguyễn Thị N. Bà N là người thụ hưởng và hàng thừa kế thứ nhất của ông S.

Sau khi ông S chết, bà N làm thủ tục yêu cầu Công ty TNHH B1 chi trả bảo hiểm cho ông S theo hợp đồng bảo hiểm đã mua trước đó, nhưng đến ngày 08/4/2021 Công ty TNHH B1 từ chối chi trả bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm cũng là người được bảo hiểm, vì lý do bên mua bảo hiểm vi phạm điều 6.1 và 6.2 của hợp đồng bảo hiểm.

Công ty TNHH B1 không chi trả bất kỳ quyền lợi nào cho ông S. Tiền bảo hiểm ông S đã đóng là 64.192.000 đồng sẽ được hoàn trả cho ông S.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của bà Nguyễn Thị N nên bà N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B1 phải có trách nhiệm chi trả tiền bảo hiểm là gói sản phẩm chính “An Phúc Trọn Đời Ưu V” số tiền bảo hiểm là 1.600.000.000 đồng với mức đóng phí 28.672.000 đồng/năm và sản phẩm bổ sung “Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn” là 739.500.000 đồng với mức đóng tiền phí bảo hiểm là 3.357.000 đồng/năm cho người được thụ hưởng là bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền là 2.339.500.000 đồng (Hai tỷ ba trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Ông Huỳnh Công D là người đại diện hợp pháp của Công ty B1 trình bày:

Đề nghị Tòa án không đưa nơi bán bảo hiểm cho ông Trương Công S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông D đại diện Công ty TNHH B1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể không đồng ý chi trả tiền bảo hiểm là gói sản phẩm chính “An Phúc Trọn Đời Ưu V” số tiền bảo hiểm là 1.600.000.000 đồng với mức đóng phí 28.672.000 đồng/năm và sản phẩm bổ sung “Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn” là 739.500.000 đồng với mức đóng tiền phí bảo hiểm là 3.357.000 đồng/năm cho người được thụ hưởng là bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền là 2.339.500.000 đồng, lý do không chi trả:

Do ông S đã vi phạm nghĩa vụ kê khai không đầy đủ, trung thực mọi chi tiết có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định tại Điều 18.2 Luật Kinh doanh bảo hiểm khi chỉ khai báo về

tình trạng bệnh suyễn và không kê khai các thông tin về bệnh phổi của các lần điều trị như sau: Bệnh viện Đ từ ngày 28/12/2018 đến ngày 04/01/2019 với chuẩn đoán: “Theo dõi lao phổi cũ tái phát, viêm phổi; sốc nhiễm trùng đã ổn”. Phần quá trình bệnh lý và diễn biến lâm sàng trong tóm tắt bệnh án của lần điều trị nêu trên ghi nhận: “Bệnh nhân tiền sử lao phổi đã điều trị đủ lộ trình, ngưng thuốc 1 năm. Bệnh tình, sốt, ho, khó thở ngày 4 vào viện”. Bệnh viện Phổi tỉnh Đ “Năm 2019 đã điều trị nhiều đợt từ ngày 04/01/2019 đến ngày 28/01/2019, từ ngày 09/02/2019 đến ngày 01/3/2019 và từ ngày 07/3/2019 đến ngày 26/3/2019 với chẩn đoán: Đợt cấp COPD; di chứng lao phổi”.

Tại điều 6.1 và điều 6.2 quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm An Phúc Trọn Đời U – Quyền lợi cơ bản quy định: “6.1 Bên mua bảo hiểm và/hoặc người được bảo hiểm có nghĩa vụ phải điền đầy đủ và trung thực vào hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và tuân thủ mọi điều kiện quy định trong hợp đồng bảo hiểm; 6.2 Nếu bên mua bảo hiểm và/hoặc người được bảo hiểm cung cấp thông tin không trung thực hoặc không đầy đủ mà nếu biết được về những thông tin đó công ty từ chối bảo hiểm hoặc nhận bảo hiểm với mức phí bảo hiểm cao hơn, công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm mà chỉ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi suất, sau khi trừ đi các khoản nợ, chi phí kiểm tra y tế và tất cả các khoản tiền rút từ giá trị tài khoản và các khoản quyền lợi bảo hiểm đã trả, nếu có”.

Tại trang 1 của hồ sơ yêu cầu bảo hiểm Công ty TNHH B1 đã thực hiện cảnh báo theo quy định của pháp luật đã thực hiện cảnh báo: “Theo quy định của pháp luật, bên mua bảo hiểm/người được bảo hiểm có trách nhiệm phải cung cấp thông tin một cách đầy đủ và trung thực. Vì các thông tin này sẽ được sử dụng để ký kết hợp đồng bảo hiểm nên việc cố ý kê khai không đầy đủ hoặc không chính xác có thể dẫn đến việc hợp đồng bảo hiểm không có hiệu lực hoặc quyền lợi bảo hiểm không được chi trả”.

Ngoài ra, công văn số 212/TANDTC-PC, ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao cũng ghi nhận: ...”Trường hợp bên mua bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin không trung thực để giao kết hợp đồng bảo hiểm và hưởng chế độ bảo hiểm thì doanh nghiệp B2 có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng. Việc giải quyết hậu quả của việc đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm được thực hiện theo các thỏa thuận của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật”.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 201/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long) quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc Công ty B1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 64.192.000 đồng (sáu mươi bốn triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, về việc yêu cầu Công ty B1 trả tổng số tiền 2.239.500.000 đồng (*hai tỉ hai trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 31/12/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Ngày 07/01/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS. Kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 201/2024/DS-ST ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ông Trần Minh Hoan H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu công ty B1 chi trả tiền bảo hiểm cho ông S, nhưng bà N là người thụ hưởng với số tiền là 2.339.500.000đ.

Ông Huỳnh Công D là người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, không đồng ý kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lý do Bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng pháp luật, ông S là người mua bảo hiểm kê khai không trung thực, ông S chết do đột quỵ vì bệnh lý, không phải do tai nạn nên Công ty B1 từ chối chi trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị N.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND thành phố Vĩnh Long;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 201/2024/DS-ST ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo hướng:

Buộc Công ty TNHH B1 chi trả tiền bảo hiểm gói sản phẩm chính “*An Phúc Trọn Đời Ưu V*” số tiền bảo hiểm là 1.600.000.000 đồng với mức đóng phí 28.672.000 đồng/năm và sản phẩm bổ sung “*Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn*” là 739.500.000 đồng với mức đóng tiền phí bảo hiểm là 3.357.000 đồng/năm cho người được thụ hưởng là bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền là 2.339.500.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm tính lại: buộc Công ty TNHH B1 chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 78.790.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1] Ngày 27/12/2024, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long) xét xử và tuyên án. Ngày 31/12/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo, ngày 07/01/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long kháng nghị là còn trong thời hạn quy định tại Điều 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Công ty TNHH B1 có ông Đỗ Quang H1 là người đại diện theo pháp luật có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

Về nội dung:

[1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long (nay là VKSND khu vực 1 - Vĩnh Long) và kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Xét thấy: vào ngày 10/3/2019 ông Trương Công S (con ruột của bà Nguyễn Thị N) có ký hợp đồng bảo hiểm số U912165211 với Công ty TNHH B1, ngày chấp thuận 22/4/2019, Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 10/3/2019 (hết hạn 10/3/2079). Đến ngày 18/9/2020 ông Trương Công S chết do đột quy, ông S không có vợ con, cha của ông S chết lúc ông S còn nhỏ, mẹ của ông S là bà Nguyễn Thị N. Bà N là người thụ hưởng và thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S.

Sau khi ông S chết, bà N làm thủ tục yêu cầu Công ty TNHH B1 chi trả tiền bảo hiểm cho ông S theo hợp đồng bảo hiểm đã mua nêu trên, nhưng đến ngày 08/4/2021 Công ty TNHH B1 từ chối chi trả bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm cũng là người được bảo hiểm vì lý do bên mua bảo hiểm vi phạm điều 6.1 và 6.2 của hợp đồng bảo hiểm. Công ty TNHH B1 chỉ đồng ý chi trả lại số tiền bảo hiểm ông S đã đóng là 64.192.000 đồng. Không đồng

ý chi trả bất cứ khoản nào khác nên bà N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B1 chi trả tiền bảo hiểm là gói sản phẩm chính “*An Phúc Trọn Đời Ưu V*” số tiền bảo hiểm là 1.600.000.000 đồng với mức đóng phí 28.672.000 đồng/năm và sản phẩm bổ sung “*Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn*” là 739.500.000 đồng với mức đóng tiền phí bảo hiểm là 3.357.000 đồng/năm cho người được thụ hưởng là bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền là 2.339.500.000 đồng. Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà N, buộc Công ty TNHH B1 chi trả số tiền 64.192.000 đồng.

[2] Bản án sơ thẩm nhận định “...Ông S (người mua bảo hiểm) đã không thực hiện đúng như hợp đồng đã ký kết, vi phạm quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm, vi phạm quy định tại Điều 6.1 và Điều 6.2 của Hợp đồng, nên Công ty B1 từ chối thanh toán là đúng, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty B1 trả số tiền nêu trên là không đủ căn cứ để chấp nhận. Công ty B1 chỉ có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn số tiền mà ông S nộp trước đây là đúng với nội dung quy định tại

Hợp đồng bảo hiểm là hợp lý và tuyên “Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, về việc yêu cầu Công ty B1 trả tổng số tiền 2.339.500.000 đồng” là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bởi vì, hồ sơ vụ án thể hiện:

[3] Việc ký kết hợp đồng bảo hiểm giữa nguyên đơn và Công ty TNHH B1 là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trước khi ký kết hợp đồng bảo hiểm thì công ty B1 có ra thư báo ngày 26/3/2019 mời ông S khám sức khỏe tại Bệnh viện Q theo sự chỉ định của công ty B1 và khám trước ngày 25/4/2019. Ông S ký bằng cam kết ngày 30/3/2019 chấp thuận cho các bác sĩ và y tá của công ty chỉ định được khám và làm các xét nghiệm có liên quan đến sức khỏe và các kết quả khám y tế này nhằm để phục vụ cho việc thẩm định hồ sơ yêu cầu bảo hiểm (BL 291). Qua kết quả báo cáo khám sức khỏe của bác sĩ ngày 30/3/2019 tại mục d. 5 phần I: khai báo cho bác sĩ: ông S khai đánh dấu vào ô có “*có các tổn thương nào ở phổi, ngực, đường hô hấp bao gồm: suyễn, ho kéo dài, ho khạc có máu, viêm phổi, lao*” và ông S còn ghi chú thêm “*ba năm trước đi khám tại Bệnh viện Đ bị ho, siễn, hiện tại không có điều trị và uống thuốc*”. Bên cạnh đó, tại mục 7 phần I về báo cáo khám sức khỏe của bác sĩ ngày 30/3/2019, ông S khai báo “*khoảng hai năm trước có đi khám tại Bệnh viện Đ*”. Kết quả khám bệnh tại Bệnh viện Đ từ ngày 28/12/2018 đến ngày 04/01/2019 với chuẩn đoán: “Theo dõi lao phổi cũ tái phát, viêm phổi; sốc nhiễm trùng đã ổn”. Bên cạnh đó, tại câu 6.C mục D của A.3 hồ sơ yêu cầu bảo hiểm ông S ký với công ty B1 ngày 10/3/2019 ông S khai báo đánh dấu vào ô có “*Viêm phổi, hen suyễn, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, lao phổi*” và tại câu 13, ông S ghi “*câu 6c: đã từng điều trị bệnh liên quan về phổi cách đây 2 năm*” (BL18). Cho nên việc Công ty B1 cho rằng Ông S kê khai không đầy đủ và không trung thực vào hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là không có cơ sở. Như vậy, ông S đã khai báo đầy đủ và trung thực với bệnh phổi của ông S nên công ty B1 đồng ý ký kết hợp đồng bảo hiểm với ông S.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày các câu trả lời của ông S trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm có trước khi Công ty B1 chỉ định cho ông S đi khám sức khỏe tại Bệnh viện Q. Như vậy, nếu sau khi nhận các câu trả lời của ông S trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và kết quả khám sức khỏe của ông S tại Bệnh viện Q, Công ty B1 nhận thấy có nghi ngờ về bệnh của ông S, cần phải thẩm định lại sức khỏe của ông S để tránh rủi ro thì Công ty bảo hiểm có quyền yêu cầu ông S phải khám lại sức khỏe rồi mới ký hợp đồng, chứ không thể đổ lỗi là do ông S kê khai không trung thực để từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm của ông S là không phù hợp.

[5] Xét lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn đối với sản phẩm Bảo hiểm bổ sung “*Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn*” là 739.500.000 đồng với mức đóng tiền phí bảo hiểm là 3.357.000 đồng/năm không đồng ý chi trả với lý do: ông S chết do đột quỵ, không phải do tai nạn, lời trình bày của đại diện bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Ngoài ra, tại phần Quyết định Tòa án sơ thẩm áp dụng “...*Điều 18.2, Điều 19.2 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010 và năm 2019*” là không đúng. Bởi vì, Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa

đổi bổ sung năm 2010 và năm 2019 không có quy định Điều 18.2, Điều 19.2 như bản án sơ thẩm đã áp dụng.

[7] Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc áp dụng pháp luật và không đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm về nội dung. Buộc Công ty TNHH B1 chi trả tiền bảo hiểm gói sản phẩm chính “*An Phúc Trọn Đời Ưu V*” số tiền bảo hiểm là 1.600.000.000 đồng với mức đóng phí 28.672.000 đồng/năm và sản phẩm bổ sung “*Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn*” là 739.500.000 đồng với mức đóng tiền phí bảo hiểm là 3.357.000 đồng/năm cho người được thụ hưởng là bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền phải chi trả là 2.339.500.000 đồng (Hai tỷ ba trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do sửa án nên sửa lại án phí sơ thẩm. Buộc Công ty TNHH B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải chi trả cho nguyên đơn 2.339.500.000đ là 78.790.000đ [$(72.000.000đ + 2\% \text{ của phần vượt quá } 02 \text{ tỷ } (339.500.000đ \times 2\% = 6.790.000đ))$].

Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên người kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long);

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 201/2024/DS-ST ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long).

Căn cứ vào Điều 12, Điều 13, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 18 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010 và năm 2019; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N;

1. Buộc Công ty TNHH B1 có nghĩa vụ chi trả tiền bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị N là người thụ hưởng với tổng số tiền là 2.339.500.000 đồng (Hai tỷ ba trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc Công ty TNHH B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 78.790.000đ (Bảy mươi tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND khu vực 1 - VL;
- VKSND cùng cấp;
- THADS khu vực 1 -VL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

ĐẶNG THỊ ÁNH BÌNH